



Họ và tên:

Lớp: 1A...

Thứ ngày tháng năm

PHIẾU ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Toán

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

* Chọn ý trả lời đúng.

1. Số gồm 8 chục và 8 đơn vị là số nào?

☐ 18

☐ 8

☐ 88

☐ 80

2. Số tròn chục nhỏ nhất trong các số: 29, 40, 11, 20, 90

☐ 10

☐ 80

☐ 11

☐ 20

3. Số 35 đọc là:

☐ ba lăm

☐ ba mươi lăm

☐ ba mươi năm

☐ ba năm

4. 3 chục =

☐ 3

☐ 33

☐ 30

☐ 13

5. Số tròn chục cần điền vào chỗ chấm của dãy số 10, 20, 30,, 50

☐ 40

☐ 31

☐ 49

☐ 32

6. Vân đếm được 8 chân bò. Hỏi Vân nhìn thấy mấy con bò?

☐ 8 con bò

☐ 2 con bò

☐ 4 con bò

☐ 3 con bò

II. Tự luận:

Bài 1: Tính

$$9 - 3 - 5 = \dots\dots$$

$$10 - 4 + 2 = \dots\dots$$

$$8 + 2 - 2 = \dots\dots$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ - \\ 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ + \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ - \\ 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ - \\ 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Số?

	11					16	17
--	----	--	--	--	--	----	----

	13			17	19
--	----	--	--	----	----

			17	16			13
--	--	--	----	----	--	--	----

		14	16			20
--	--	----	----	--	--	----

Bài 3: Điền dấu $>$, $<$, $=$?

28 56

99 19

10 30

86 96

75 57

80 79

21 26

25 15

Bài 4: Cho các số: 17, 35, 9, 52, 81

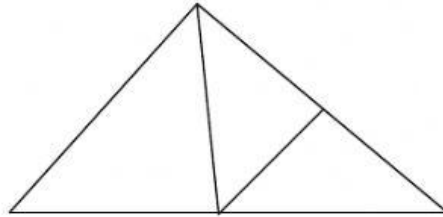
- Viết theo thứ tự từ lớn đến bé:

--	--	--	--	--

- Viết theo thứ tự từ bé đến lớn:

--	--	--	--	--

Bài 5: Cho hình vẽ



Có: hình tam giác.

Bài 6: Số?

$$10 = \dots + 8$$

$$50 > \dots > 30$$

$$\dots + 3 + 5 = 10$$

$$8 - 3 = 9 - \dots$$

Bài 7. Hãy tìm hiểu rồi điền chữ số thích hợp vào chỗ chấm.

Nhà Mai có 2 chục cái bát. Mẹ mua thêm 6 chục cái bát nữa. Vậy nhà Mai có tất cả chục cái bát.

Nhà Lan có 45 cái bát. Vậy nhà Lan có chục cái bát và cái bát.

Bài 8: An và Bình có tất cả 4 viên bi. Biết số bi của An nhiều hơn số bi của Bình. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

Trả lời:

- An có viên bi

- Bình có viên bi